

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 16/7/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diễm

2. Ông Huỳnh Dư

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:* Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 54/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp ông Trần Văn T - Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh Khánh Hòa là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo giấy ủy quyền số 20/UQ-KH21 ngày 18/3/2021.

Địa chỉ: Số 76 Q, phường L, thành phố A, tỉnh Khánh Hòa. (Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Minh C, sinh năm: 1966 và bà Võ Thị B, sinh năm: 1968; Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường PB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông C, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:* Vào ngày 30/9/2019, ông Võ Minh C và bà Võ Thị B ký Hợp đồng tín dụng số LD1926900673 với

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) cộng biên độ và được Ngân hàng điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

Ngày 26/11/2019, ông Võ Minh C và bà Võ Thị B ký Hợp đồng tín dụng số LD1933000068 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) cộng biên độ và được Ngân hàng điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông C và bà B đã dùng 02 tài sản sau để thế chấp cho Ngân hàng (theo Hợp đồng thế chấp số 424/TC19 ngày 01/10/2019 và các Thỏa thuận sửa đổi bổ sung có liên quan):

- Thửa đất số 319 tờ bản đồ số 10, diện tích 230,6 m² tọa lạc tại thôn TL, xã CTB, huyện M, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924050, số vào sổ cấp giấy số CS02374 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/9/2019.

- Thửa đất số 321 tờ bản đồ số 10, diện tích 230,9 m² tọa lạc tại thôn TL, xã CTB, huyện M, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924051, số vào sổ cấp giấy số CS02375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/9/2019.

Tuy nhiên, từ ngày 30/9/2020 đến nay ông C và bà B đã ngưng thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Hiện nay khoản vay của ông C và bà B đã quá hạn và mất khả năng trả nợ do khách hàng kinh doanh thua lỗ. Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà và gửi thông báo nhưng ông C và bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 16/7/2021, ông C và bà B nợ Ngân hàng số tiền 890.655.283 đồng, cụ thể:

- Theo Giấy nhận nợ số LD1927700639 ký ngày 04/10/2019 còn phải trả: Vốn gốc: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.495.890 đồng, lãi quá hạn: 21.391.233 đồng, phạt chậm trả lãi: 117.212 đồng tổng cộng: 223.004.336 đồng.

- Theo Giấy nhận nợ số LD1927800162 ký ngày 05/10/2019 còn phải trả: Vốn gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.318.630 đồng, lãi quá hạn: 31.974.658 đồng, phạt chậm trả lãi: 181.044 đồng tổng cộng: 334.474331 đồng.

- Theo Giấy nhận nợ số LD1933300477 ký ngày 29/11/2019 còn phải trả: Vốn gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.881.096 đồng, lãi quá hạn: 25.804.110 đồng, phạt chậm trả lãi: 491.410 đồng tổng cộng: 333.176.616 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà B phải trả cho Ngân hàng số tiền 890.655.283 đồng và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 17/7/2021 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông C và bà B không thanh toán số nợ trên, Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự kê biên phát mãi 02 tài sản mà ông C và bà B đã thế chấp cho Ngân hàng.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2021, bị đơn ông Võ Minh C trình bày:* Vào năm 2019, vợ chồng ông có vay tiền để nuôi tôm tại Ngân hàng thương mại cổ phần S, vay số tiền 800.000.000 đồng. Thời hạn vay bao lâu, lãi suất thế nào ông không nhớ. Để đảm bảo khoản vay vợ chồng ông có thể chấp 02 lô đất tại M, địa chỉ cụ thể ông không nhớ. Ông thừa nhận vợ chồng ông có nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 853.495.951. Ông đồng ý vợ chồng ông sẽ thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng vào cuối tháng 7/2021.

* Bị đơn bà Võ Thị B đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà B cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

* *Nguyên đơn đã giao nộp:* Giấy ủy quyền số 20/UQ-KH21 ngày 18/3/2021 (bản C); Giấy ủy quyền số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28/12/2020 (bản phô tô); Bảng tính lãi vay Võ Minh C ngày 16/7/2021 (bản C); Hợp đồng tín dụng ngày 29/11/2019, 30/9/2019 (bản sao); Giấy nhận nợ các ngày 29/11/2019, 04/10/2019, 05/10/2019 (bản C); Giấy đề nghị vay vốn các ngày 23/11/2019, 28/9/2019 (bản sao); Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01/10/2019 (bản sao); Thỏa T sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 28/11/2019 (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS 924050, CS 924051 (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (bản sao); Giấy tờ chứng minh nhân thân và nơi cư trú của bị đơn (bản sao).

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, chi phí tố tụng: Bị đơn phải nộp án phí, chi phí tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, trong vụ án này bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 15/7/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1

Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông C và bà B nhưng ông C và bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 30/9/2019, ông Võ Minh C và bà Võ Thị B ký Hợp đồng tín dụng số LD1926900673 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) cộng biên độ và được Ngân hàng điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; mục đích bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn trả nợ đối với nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả hàng tháng. Ngày 04/10/2019 Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho ông C và bà B số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số LD1927700639; ngày 05/10/2019 Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho ông C và bà B số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số LD1927800162. Tuy nhiên, ông C và bà B đã vi phạm cam kết trả nợ đối với 02 Giấy nhận nợ này từ ngày 04/10/2020. Tính đến ngày 16/7/2021, ông C và bà B nợ Ngân hàng cụ thể như sau:

- Đối với Giấy nhận nợ số LD1927700639 ký ngày 04/10/2019 còn phải trả: Vốn gốc: 200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.495.890 đồng, lãi quá hạn: 21.391.233 đồng, phạt chậm trả lãi: 117.212 đồng tổng cộng: 223.004.336 đồng.

- Đối với Giấy nhận nợ số LD1927800162 ký ngày 05/10/2019 còn phải trả: Vốn gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.318.630 đồng, lãi quá hạn: 31.974.658 đồng, phạt chậm trả lãi: 181.044 đồng tổng cộng: 334.474331 đồng.

[2.2] Ngày 26/11/2019, ông Võ Minh C và bà Võ Thị B tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số LD1933000068 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 03 tháng đầu tiên 9,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) cộng biên độ và được Ngân hàng điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; mục đích bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn trả nợ đối với nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả hàng tháng. Ngày 29/11/2019, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho ông C và bà B số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số LD1933300477. Ông C và bà B đã vi phạm cam kết trả nợ theo Giấy nhận nợ này vào ngày 30/9/2020. Tính đến ngày 16/7/2021, ông C và bà B nợ vốn gốc: 300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.881.096 đồng, lãi quá hạn: 25.804.110 đồng, phạt chậm trả lãi: 491.410 đồng tổng cộng: 333.176.616 đồng.

Từ [2.1] và [2.2], Tòa án nhận thấy việc ông C, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như 02 hợp đồng đã ký kết là vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số LD1926900673 ngày 30/9/2019 và Hợp đồng tín dụng số LD1933000068 ngày 26/11/2019. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện thu hồi nợ gốc và lãi là có cơ sở phù hợp với khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 08/2016/AL nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông Võ Minh C và bà Võ Thị B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền gốc 800.000.000

đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 16/7/2021 là 10.695.616 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 16/7/2021 là 79.170.000, lãi chậm trả tính đến ngày 16/7/2021 là 789.666 đồng; tổng cộng là 890.655.283 (Tám trăm chín mươi triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng và nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 17/7/2021 theo lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số LD1926900673 ngày 30/9/2021 và Hợp đồng tín dụng số LD1933000068 ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

[2.3] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 424/TC19 ngày 01/10/2019 là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 319 tờ bản đồ số 10, diện tích 230,6 m² tọa lạc tại thôn TL, xã CTB, huyện M, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924050, số vào sổ cấp giấy số CS02374 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/9/2019 cho ông Võ Minh C; thửa đất số 321 tờ bản đồ số 10, diện tích 230,9 m² tọa lạc tại thôn TL, xã CTB, huyện M, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924051, số vào sổ cấp giấy số CS02375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/9/2019 cho ông Võ Minh C. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp trên thể hiện sự tự nguyện của các đương sự, được lập thành văn bản và được Văn phòng công chứng Ngọc Trung chứng thực; tài sản thế chấp trên nhằm đảm bảo việc trả nợ của ông C, bà B cho Ngân hàng. Do đó, nếu ông C, bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý 02 tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299, Điều 317 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông C, bà B phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể: 36.000.000 đồng + (3% x 90.655.283 đồng) = 38.719.658 (Ba mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm năm mươi tám) đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả chi phí tố tụng. Căn cứ vào Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, khoản 7 Điều 323, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL; khoản 1 Điều 13, Điều 26 Nghị quyết số

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc ông Võ Minh C và bà Võ Thị B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 890.655.283 (Tám trăm chín mươi triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng, trong đó gốc 800.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.695.616 đồng, lãi quá hạn 79.170.000, lãi chậm trả 789.666 đồng và nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 17/7/2021 theo lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số LD1926900673 ngày 30/9/2021 và Hợp đồng tín dụng số LD1933000068 ngày 26/11/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần S có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Minh C và bà Võ Thị B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924050, số vào sổ cấp giấy số CS02374 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/9/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924051, số vào sổ cấp giấy số CS02375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/9/2019 khi ông Võ Minh C và bà Võ Thị B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

3. Nếu ông Võ Minh C và bà Võ Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 230,6 m² thửa đất số 319 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thôn TL, xã CTB, huyện M, tỉnh Khánh Hòa do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924050, số vào sổ số CS02374 ngày 19/9/2019 cho ông Võ Minh C và diện tích 230,9 m² thửa đất số 321 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thôn TL, xã CTB, huyện M, tỉnh Khánh Hòa do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924051, số vào sổ số CS02375 ngày 19/9/2019 cho ông Võ Minh C để thu hồi nợ (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 424/TC19 ngày 01/10/2019).

4. Nếu số tiền phát mại hoặc thu hồi từ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 924050 và CS 924051 vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, thì ông Võ Minh C và bà Võ Thị B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về án phí:

Ông Võ Minh C và bà Võ Thị B phải nộp 38.719.658 (Ba mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm năm mươi tám) đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 18.800.000 (Mười tám triệu tám trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số AA/2021/0006360 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Võ Minh C và bà Võ Thị B phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

7. Quy định:

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án đối với chi phí xem xét, thẩm định mà ông Võ Minh C và bà Võ Thị B không thi hành khoản tiền phải thanh toán thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Ngân hàng thương mại cổ phần S, ông Võ Minh C và bà Võ Thị B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công

